

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa 25 thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Bến Tre**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2682/TTr-SYT ngày 05 tháng 9 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua phương án đơn giản hóa 25 thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Bến Tre (Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Giao Sở Y tế dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (kèm hồ sơ);
- Cục KSTTHC - VPCP (kèm hồ sơ);
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Y tế (kèm hồ sơ);
- Phòng KSTTHC (kèm hồ sơ), TTTĐT;
- Lưu: VT.



**Trương Duy Hải**

**Phụ lục**  
**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**LĨNH VỰC Y TẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA TỈNH BẾN TRE**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2018*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

**LĨNH VỰC KHÁM CHỮA BỆNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA SỞ Y TẾ**

**Nhóm 1 (06 TTHC):**

1. Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

2. Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

3. Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

4. Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

5. Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

6. Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

**- Nội dung đơn giản hóa**

+ Về thời hạn giải quyết: Kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc.

+ Lý do: Trên thực tế, khi thực hiện nhóm thủ tục này, việc cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề được Sở Y tế thực hiện trong 25 ngày làm việc. Việc rút ngắn thời gian giải quyết này tiết kiệm thời gian, tạo sự hài lòng cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện nhóm thủ tục hành chính này.

**- Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 10 Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, cụ thể như sau:

“2. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải tiến hành thẩm định hồ sơ và có biên bản thẩm định.



3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thì trong thời hạn *05 ngày làm việc*, kể từ ngày có biên bản thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề.”

**- Lợi ích của phương án đơn giản hóa**

+ Tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính;

+ Tỷ lệ (%) thời gian cắt giảm so với quy định hiện hành: 16,16%.

**Nhóm 2 (19 TTHC):**

1. Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

2. Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

3. Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

4. Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

5. Cấp giấy phép hoạt động đối với nhà Hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

6. Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám, tư vấn và điều trị dự phòng thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

7. Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

8. Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp;

9. Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà.

10. Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh.

11. Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc.

12. Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chẩn đoán hình ảnh, Phòng X-quang thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

13. Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã.

14. Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả.

15. Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm.

16. Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

17. Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

18. Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

19. Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền.

*Ghi chú: Rà soát này không áp dụng cho đối tượng là bệnh viện và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật đăng ký thường trú ở tỉnh khác hoặc có chứng chỉ hành nghề do tỉnh khác cấp (Căn cứ tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, quy định người hành nghề chỉ được làm người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Do vậy, thời gian giải quyết sẽ phụ thuộc vào việc nhận của Sở Y tế nơi đã cấp chứng chỉ hành nghề cho đối tượng xin cấp phép hoạt động tại tỉnh Bến Tre).*

**- Nội dung đơn giản hóa**

+ Về thời hạn giải quyết: Kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết từ 45 ngày xuống còn 30 ngày.

+ Lý do: Theo quy định thời gian cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động là 45 ngày (đối với các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác). Nhưng thực tế Sở Y tế tiến hành cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động trong thời gian là 30 ngày. Việc rút ngắn thời gian giải quyết này tiết kiệm thời gian, tạo sự hài lòng cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện nhóm thủ tục hành chính này.

**- Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 2 Điều 44 Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ như sau: “ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải xem xét để cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động trong thời hạn 60 ngày đối với bệnh viện; 30 ngày đối với các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác, kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp không cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

**- Lợi ích của phương án đơn giản hóa**

+ Tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính;

+ Tỷ lệ (%) thời gian cắt giảm so với quy định hiện hành: 33,33 %.